

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 08 - 8 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Ông Nguyễn Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc.

Trong các ngày 01/8/2022, 05/8/2022 và ngày 08/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST - DS ngày 29/4/2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 37/2022/QĐXXST - DS ngày 03/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Văn Th, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1969 (có mặt)

- Bà Trần Thị Ánh H, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Bà H, xã Thạnh Ph, huyện TH, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại Tòa án nguyên đơn ông Phùng Văn Th trình bày yêu cầu khởi kiện: Vợ chồng ông Ch bà H có vay ông nhiều lần tiền với tổng số tiền nợ gốc là 1.546.000.000 đồng, mục đích vay là để làm ăn kinh doanh mua bán lúa, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.000đồng/ngày/1.000.000 đồng. Vào ngày 02/11/2018, hai bên có chốt số tiền nợ gốc, ông Ch thống nhất đồng ý viết giấy nợ và ký tên vào giấy nợ số tiền gốc ông Ch, bà H còn nợ là 1.546.000.000 đồng, hẹn ngày 02/5/2019 trả. Trong giấy ghi nợ mặc dù chỉ có chữ ký và chữ viết tên của ông Trần Văn Ch, nhưng việc ông Ch vay tiền, vợ ông Ch là bà Trần Thị Ánh H biết, ông Ch vay tiền với mục đích để phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, ông Th đã yêu cầu trả nhiều lần nhưng ông Ch, bà H không trả đúng hạn.

Trước đây tại đơn khởi kiện, ông Th yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền nợ gốc 1.546.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 02/4/2019 đến 02/3/2022 (35 tháng) với mức lãi suất là 1,67%/tháng.

Trong quá trình tố tụng tại tòa án, ông Th thừa nhận sau khi chốt giấy nợ ngày 02/11/2018, ông Th có nhận của ông Ch, bà H hai lần với tổng số tiền 23.000.000 đồng, ông Th đồng ý căn trừ số tiền này vào nợ gốc 1.546.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 1.523.000.000 đồng. Do đó, ông Th xác định lại yêu cầu khởi kiện, ông Th yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà H liên đới trả cho ông Th, bà Loan số tiền nợ gốc 1.523.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng; yêu cầu phải trả một lần gốc và lãi.

* Bị đơn – ông Trần Văn Ch trình bày: Từ năm 2017 đến năm 2018, ông Ch có nhiều lần vay tiền của ông Th với tổng số tiền khoảng 700.000.000 đồng, mục đích vay là để buôn bán lúa, khi vay hai bên không làm giấy tờ, lãi suất vay là 2.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Đến ngày 02/11/2018, vợ chồng ông Ch có đến nhà ông Th hai bên thống nhất chốt nợ, ông có viết giấy chốt nợ và ký tên vào giấy ghi nợ, với nội dung ông Ch có vay ông Th số tiền 1.546.000.000 đồng, ông Ch thừa nhận việc viết giấy nợ và ký nhận nợ này, thừa nhận chữ ký tên, ghi họ tên trong giấy nợ ngày 02/11/2018 là do ông Ch viết và ký tên. Tuy nhiên, số tiền nợ gốc mà vợ chồng ông Ch nợ ông Th chỉ là số tiền 700.000.000 đồng, còn lại số tiền 846.000.000 đồng là tiền lãi. Khi ông Th yêu cầu vợ chồng ông Ch ký nhận tổng số tiền 1.546.000.000 đồng thì ông Ch đồng ý ký nhận. Vì ông Ch nghĩ giữa ông Ch, bà H và bà Loan, ông Th là mối quan hệ bà con, bà Loan là chị ruột bà H nên ông Ch cũng thống nhất số tiền chốt nợ, không có ý kiến gì. Khi đó, bà H (vợ ông Ch) cũng có mặt tại nhà ông Th ngày 02/11/2018, chứng kiến

việc ông Ch ký nhận nợ số tiền 1.546.000.000 đồng, tuy nhiên bà H không ký tên vào giấy nợ.

Sau khi chốt nợ, vợ chồng ông Ch đã trả được cho ông Th 02 lần tiền, cụ thể: Ngày 18/6/2021 âm lịch trả 3.000.000 đồng, ngày 27/12/2021 âm lịch trả 20.000.000 đồng (việc trả tiền này không có giấy tờ). Tổng số tiền ông Ch, bà H đã trả là 23.000.000 đồng, số tiền này là trả vào tiền nợ gốc.

Đồng thời, trong quá trình vay tiền của ông Th, vợ chồng ông Ch đã nhiều lần trả cho ông Th những khoản tiền lãi khác nhau, không nhớ cụ thể số tiền trả bao nhiêu, mỗi lần trả lãi thì đều có ghi trong sổ của ông Th, chứ vợ chồng ông không giữ giấy tờ nào chứng minh nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Nay ông Th yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà H liên đới trả cho ông Th, bà Loan số tiền nợ gốc 1.523.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 02/5/2019 đến khi xét xử xong, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, ông Ch đồng ý trả tiền số tiền 1.100.000.000 đồng trong tổng số tiền đã chốt nợ theo giấy biên nhận ngày 02/11/2018 và không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông Th.

** Bị đơn – bà Trần Thị Ánh H trình bày:* Bà H thống nhất với lời trình bày của ông Ch, vợ chồng bà có nhiều lần vay tiền của ông Th để đi buôn bán lúa, phục vụ mục đích phát triển kinh tế gia đình với tổng số tiền 700.000.000 đồng, khi vay hai bên không có lập giấy tờ vay, chỉ có ông Th ghi vào sổ của ông Th, lãi suất vay là 2.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Đến ngày 02/11/2018, bà và ông Ch có gặp ông Th để chốt nợ. Ông Th cộng gộp số tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi lại thành số tiền nợ gốc 1.546.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng bà ký tên. Ông Ch đồng ý ký tên vào giấy ghi nợ ngày 02/11/2018, bà H thống nhất chữ viết tên, ký tên trong giấy biên nhận nợ là của ông Ch, lúc đó bà H có chứng kiến việc ông Ch ký tên nhận nợ nhưng bà H không ký tên, do bà Loan và bà H là chị em ruột nên bà H cũng không có ý kiến gì về việc ông Ch ký tên vào giấy chốt nợ.

Sau khi ông Ch ký chốt nợ, vợ chồng bà đã trả được cho ông Th 02 lần tiền, cụ thể: Ngày 18/6/2021 âm lịch trả 3.000.000 đồng, ngày 27/12/2021 âm lịch trả 20.000.000 đồng (việc trả tiền này không có lập biên bản). Tổng số tiền ông Ch, bà H đã trả là 23.000.000 đồng, số tiền này là trả vào tiền nợ gốc.

Bà H thống nhất ý kiến với ông Ch, vợ chồng bà đã nhiều lần trả cho ông Th những khoản tiền lãi khác nhau, không nhớ cụ thể số tiền trả bao nhiêu, mỗi lần trả lãi thì đều có ghi trong sổ của ông Th, chứ vợ chồng bà không giữ giấy tờ nào chứng minh nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà H yêu cầu ông Th phải cung cấp sổ sách đã ghi tiền nợ gốc, lãi mỗi lần bà H, ông Ch vay của ông Th.

Nay ông Th yêu cầu vợ chồng bà H liên đới trả số tiền nợ gốc 1.523.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/5/2019 đến khi xét xử xong theo mức

lãi suất là 0,83%/tháng, bà H thống nhất với lời trình bày của ông Ch, chỉ đồng ý cùng ông Ch liên đới trả số tiền 1.100.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi từ ngày 02/5/2019 theo yêu cầu của ông Th.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị L trình bày:* Bà Loan thống nhất với lời trình bày của ông Th. Số tiền gốc, ông Ch và bà H vay là 1.546.000.000 đồng vào ngày 02/11/2018. Thống nhất yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà H liên đới trả cho ông Th, bà Loan số tiền nợ gốc 1.523.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng; yêu cầu phải trả một lần gốc và lãi. Không đồng ý với đề nghị của ông Ch, bà H về việc chỉ trả số tiền 1.100.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa ông Th cung cấp 01 bản chính danh sách liệt kê tiền nợ nhưng không có chữ ký của bị đơn là ông Ch và bà H và thừa nhận trong số tiền 1.546.000.000đ có tiền lãi. Nên ông đồng ý tiền gốc là 1.330.000.000đ và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 02/5/2019 cho đến ngày khi xét xử.

Ông Ch trình bày ông đã đọc danh sách liệt kê tiền nợ mà ông Th cung cấp nhưng ông không nhớ và không xác định được có phải là số tiền chót nợ mà ông đã đọc ngày 02/11/2018. Ông chỉ nhớ là ông Th chót nợ trong sổ chứ không phải trong tờ giấy nhưng ông thừa nhận bà H có trả có ông Th 370.000.000đ tiền gốc.

Bà H trình bày bà không đồng ý với danh sách này mà chỉ thừa nhận trước ngày chót nợ ngày 02/11/2018 02 ngày bà có đem 370.000.000đ trả tiền gốc cho ông Th.

Ông Th trình bày ông thừa nhận có nhận 370.000.000đ tiền từ bà H lúc đầu chót nợ ông nghĩ tình bà con nên đồng ý vào tiền gốc nhưng sau đó bà H và ông Ch cứ hẹn nhiều lần mà không trả. nên ông tính vào tiền lãi và gốc còn lại 1330.000.000đ. Tại phiên Tòa hôm nay, ông đồng ý gốc và lãi còn lại là 1.200.000.000đ cần trừ 23.000.000đ còn lại là 1.177.000.000đ.

Bị đơn ông Ch trình bày ông không thay đổi ý kiến của mình là chỉ đồng ý trả gốc và lãi là 1.100.000.000đ. Tuy nhiên để giữ gìn tình cảm gia đình ông đồng ý trả thêm 77.000.000đ tiền lãi và hẹn khi nào bán được đất vào cuối tháng 12 năm 2022 sẽ trả tiền.

Bị đơn bà H không thay đổi ý kiến của mình chỉ đồng ý trả gốc và lãi là 1.100.000.000đ

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Loan trình bày:* Bà thống nhất với ý kiến của ông Th yêu cầu ông Ch và bà H liên đới trả gốc và lãi là 1.200.000.000đ.

Nguyên đơn ông Th thay đổi yêu cầu khởi kiện ông đồng ý để ông Ch và bà H liên đới trả 1.100.000.000đ và ông Ch trả 77.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Loan trình bày bà thống nhất với ý kiến của ông Th

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TH phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

+ Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát xét thấy giữa nguyên đơn ông Phùng Văn Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L và bị đơn ông Trần Văn Ch thống nhất ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị Ánh H liên đới trả 1.100.000.000đ, ông Ch trả 77.000.000đ.

Áp dụng Điều 357, 466 và 468 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi và liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Vào ngày 29/4/2022, Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An thụ lý đơn khởi kiện của ông Phùng Văn Th về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị Ánh H; Cùng địa chỉ: Ấp Bà H, xã Thạnh Ph, huyện TH, tỉnh Long An làm phát sinh vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/4/2022, các bên đương sự phát sinh tranh chấp khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An. Sau khi xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ vào Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án trên còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Phùng Văn Th và bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị Ánh H thống nhất ông Ch và bà H có vay nợ ông Th nhiều lần vay có lãi, mục đích vay là để làm ăn. Đến ngày 02/11/2018 nguyên đơn và bị đơn tiến hành đối chiếu và chốt lại nợ gốc là 1.546.000.000đ hẹn đến ngày 02/5/2019 sẽ trả. Trong

giấy chốt nợ chỉ có chữ ký của ông Ch không có chữ ký của bà H. Do đó, căn cứ vào các Điều 463, 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ông Ch và bà H xác định ông Ch có ký vào giấy chốt nợ trên nhưng không phải tiền gốc là 1.546.000.000đ mà trong đó có tiền gốc và lãi. Tại phiên Tòa ngày 23/6/2022 và ngày 29/6/2022 ông Th cũng thừa nhận tiền mà ông cho vợ chồng ông Ch và bà H vay là tiền ông đi vay của người khác và ông cũng phải trả lãi nên ông có tính lãi và gốc mới ra số tiền là 1.546.000.000đ và tiền gốc thực tế là 1.330.000.000đ nên ông yêu cầu hoãn phiên tòa để ông cung cấp chứng cứ là giấy liệt kê các khoản nợ. Trong suốt quá trình tố tụng, ông Ch và bà H đều thừa nhận chỉ có 700.000.000đ tiền gốc và đã có trả thêm 23.000.000đ tiền gốc nữa nên chỉ còn gốc chỉ còn 677.000.000đ, ông Ch và bà H đồng ý trả tiền gốc và lãi là 1.100.000.000đ.

Tại phiên tòa ngày 01/8/2022 ông Th cung cấp thêm một tờ giấy liệt kê nợ và trong đó nợ gốc là 1.330.000.000đ, ông Ch và bà H không thừa nhận giấy liệt kê nợ nhưng trước ngày chốt nợ 02 ngày bà H có trả cho ông Th 370.000.000đ tiền gốc. Trong quá trình đối chất tại phiên tòa ông Th thừa nhận ông Ch và bà H có trả 370.000.000đ tiền gốc nên gốc chỉ còn là 960.000.000đ nên ông Th yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi là 1.200.000.000đ.

Tại phiên tòa ngày 05/8/2022 và 08/8/2022 ông Th thay đổi yêu cầu khởi kiện đồng ý khấu trừ 23.000.000đ vào số tiền mà ông yêu cầu là 1.200.000.000đ, số tiền mà ông yêu cầu là 1.177.000.000đ và ông yêu cầu ông Ch và bà H liên đới trả cho ông 1.100.000.000, ông yêu cầu ông Ch phải trả cho ông 77.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Loan thống nhất với ý kiến với nguyên đơn là ông Th.

Tại phiên tòa ngày 5/8/2022 và ngày 8/8/2022 bà H vắng mặt nên không có ý kiến với sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Th. Bị đơn ông Ch đồng ý với sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Th, ông đồng ý cùng bà H trả 1.100.000.000đ và ông đồng ý trả thêm 77.000.000đ.

Từ những lời trình bày của các đương sự cùng những chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn, bị đơn có mối quan hệ vay tài sản nhưng không thống nhất được số tiền vay và tiền lãi. Tại phiên tòa, ông Th thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tiền gốc và lãi là 1.177.000.000đ và yêu cầu ông Ch và bà H liên đới trả số tiền nợ là 1.100.000.000đ, ông Ch trả 77.000.000đ, bị đơn ông Ch thống nhất với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn. Riêng bà H vắng mặt nhưng có ý kiến đồng ý cùng ông Ch trả số tiền còn nợ ông Th là 1.100.000.000đ từ những chứng cứ có trong hồ sơ thì có căn cứ chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Ch và bà H liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 1.100.000.000đ và ông Ch trả cho ông Th 77.000.000đ.

Về phương thức trả nợ: Bị đơn ông Ch đề nghị trả số tiền còn nợ trên vào cuối tháng 12 sau khi bán đất xong. Nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả nợ của bị đơn. Xét thấy việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên buộc bị đơn ông Ch và bà H liên đới trả cho nguyên đơn một lần số tiền nợ gốc và lãi 1.100.000.000đ và ông Ch có trách nhiệm trả 77.000.000đ cho ông Th ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Long An phát biểu ý kiến tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Ch và bà H phải chịu án phí 22.500.000đ. Ông Ch phải chịu thêm án phí 3.850.000đ. Ông Th là người cao tuổi được miễn tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Th và bà Trần Thị L đối với ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị Ánh H.

Buộc ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị Ánh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phùng Văn Th và bà Trần Thị L số tiền gốc và lãi là 1.100.000.000đ (Một tỷ, một trăm triệu đồng).

Ông Trần Văn Ch có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Văn Th và bà Trần Thị L 77.000.000đ (Bảy mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị Ánh H liên đới chịu 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Trần Văn Ch phải chịu 3.850.000đ (Ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ

Nhà nước. Ông Phùng Văn Th, sinh năm 1958 là người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí theo điểm đ, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn ông Phùng Văn Th, bị đơn ông Trần Văn Ch, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Trần Thị Ánh H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương

